

Họ và tên:.....

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Lớp:.....

Đề 01

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm). Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Nhiệt độ là số đo mức độ của một vật.

- A. nhanh, chậm. B. dài ngắn.
C. nặng, nhẹ. D. nóng, lạnh.

Câu 2. Người ta thường sử dụng dụng cụ nào sau đây để đo chiều dài của vật?

- A. Thước đo độ. B. Compa.
C. Thước kẹp, thước cuộn, thước dây. D. Thước kẹp, compa.

Câu 3. Khi đo độ dài một vật, người ta chọn thước

- A. có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và có ĐCNN thích hợp.
B. có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và không cần để ý đến ĐCNN của thước.
C. Thước đo nào cũng được.
D. có GHĐ nhỏ hơn chiều dài cần đo vì có thể đo nhiều lần.

Câu 4. Để xác định thời gian hát bài “Đội ca” của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, em sẽ lựa chọn loại đồng hồ nào sau đây?

- A. Đồng hồ hẹn giờ. B. Đồng hồ quả lắc. C. Đồng hồ treo tường. D. Đồng hồ bấm giây.

Câu 5. Đơn vị đo khối lượng trong Hệ đo lường hợp pháp của nước ta là

- A. giờ. B. kilôgam. C. mét. D. mét khối.

Câu 6: Một bạn muốn đo khối lượng của bao gạo. Trước khi đo, bạn ước lượng khối lượng của bao gạo là 45 kg. Vậy bạn nên chọn cân đồng hồ nào sau đây là phù hợp nhất?

- A. Cân có GHĐ 50kg, ĐCNN 1kg. B. Cân có GHĐ 30kg, ĐCNN 1kg.
C. Cân có GHĐ 20kg, ĐCNN 1kg. D. Cân có GHĐ 200kg, ĐCNN 2kg.

Câu 7. Dãy gồm các vật thể tự nhiên là

- A. con mèo, xe máy, con người. B. con sư tử, đồi núi, mũ cao su.
C. bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối. D. cây cam, quả nho, bánh ngọt.

Câu 8. Đâu là vật thể nhân tạo?

- A. Quả Me. B. Con kiến. C. Tép bưởi. D. Cái bàn.

Câu 9. Ta dùng kính lúp để quan sát

- A. trận bóng đá trên sân vận động. B. một con ruồi.
C. các chi tiết máy của đồng hồ đeo tay. D. kích thước của tế bào virus.

Câu 10. Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Các hiện tượng tự nhiên. B. Các tính chất của tự nhiên.
C. Các quy luật tự nhiên. D. Tất cả các ý trên.

Câu 11: Hoạt động nào sau đây là không phù hợp với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.
B. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.
C. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.
D. Ăn uống trong phòng thí nghiệm, ném thử hóa chất.

Câu 12: Cách sử dụng kính lúp là đặt kính

- A. cách xa mắt, mắt nhìn vào mặt kính.
B. gần sát vật mẫu, mắt nhìn vào mặt kính. Từ từ dịch kính ra xa vật, cho đến khi nhìn thấy vật rõ nét.
C. trong khoảng mắt không phải điều tiết, mắt nhìn vào mặt kính.

(Đề này gồm 24 câu, 2 trang)

D. ở khoảng 20 cm, mắt nhìn vào mặt kính.

Câu 13. Tế bào không cấu tạo nên vật nào sau đây?

- A. Chiếc lá. B. Bông hoa.
C. Con dao. D. Con cá.

Câu 14. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô. B. Cây cầu.
C. Cây bạch đàn. D. Ngôi nhà.

Câu 15. Sinh vật có cơ thể đa bào là

- A. con voi. B. vi khuẩn. C. nấm men. D. tảo lục.

Câu 16. Sinh vật đơn bào là

- A. cây chuối. B. Trùng biến hình. C. Cây hoa mai. D. Con mèo.

Câu 17. Các đặc điểm chỉ có ở cơ thể đa bào là có thể

- A. sinh sản. B. di chuyển.
C. cảm ứng D. có nhiều tế bào trong cơ thể.

Câu 18. Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là

- A. hệ cơ quan. B. cơ quan.
C. mô. D. tế bào.

Câu 19. Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là

- A. tế bào. B. mô.
C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

Câu 20. Trình tự sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là

- A. Tế bào -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể -> mô.
B. Mô -> tế bào -> hệ cơ quan -> cơ quan -> cơ thể.
C. Tế bào -> mô -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể.
D. Cơ thể -> hệ cơ quan -> cơ quan -> tế bào -> mô.

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm).

Câu 21. (1,0 điểm). Bạn A dùng đồng hồ bấm giây để đo thời gian bạn B đi từ lớp học ra đến cổng trường. Khi tiến hành đo bạn A thực hiện các thao tác theo trình tự sau:

- Bước 1: Khi đồng hồ chưa về số 0, bạn bấm nút Start (bắt đầu) khi bạn B bắt đầu đi.
- Bước 2: Nhấn nút Stop (dừng) khi bạn B đi đến cổng.

Em hãy chỉ ra thao tác sai và nêu cách khắc phục thao tác sai đó.

Câu 22. (1,0 điểm). Em hãy phân tích các lĩnh vực Sinh học, Hóa học, Vật lý học và Khoa học Trái Đất trong KHTN.

Câu 23. (2,0 điểm).

- a. Trình bày cấu tạo và chức năng các thành phần chính của tế bào.
b. Viết công thức tính tế bào con(N) được tạo ra sau n lần phân chia.

Câu 24. (1,0 điểm). Bằng kiến thức thực tiễn đã học về cây xanh. Hãy mô tả chức năng của cơ quan Rễ và Hoa?

-----Hết-----

Họ và tên:.....

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Lớp:.....

Đề 02

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm). Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Người ta sử dụng dụng cụ nào để đo khối lượng của một vật?

- A. Cân điện tử. B. Đồng hồ. C. Thước thẳng. D. Nhiệt kế.

Câu 2. Để xác định thời gian hát bài “Đội ca” của Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, em sẽ lựa chọn loại đồng hồ nào sau đây?

- A. Đồng hồ hẹn giờ. B. Đồng hồ quả lắc. C. Đồng hồ treo tường. D. Đồng hồ bấm giây.

Câu 3: Một bạn muốn đo khối lượng của bao gạo. Trước khi đo, bạn ước lượng khối lượng của bao gạo là 45 kg. Vậy bạn nên chọn cân đồng hồ nào sau đây là phù hợp nhất?

- A. Cân có GHĐ 50kg, ĐCNN 1kg. B. Cân có GHĐ 30kg, ĐCNN 1kg.
C. Cân có GHĐ 20kg, ĐCNN 1kg. D. Cân có GHĐ 200kg, ĐCNN 2kg.

Câu 4. Khi đo độ dài một vật, người ta chọn thước

- A. có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và có ĐCNN thích hợp.
B. có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và không cần để ý đến ĐCNN của thước.
C. Thước đo nào cũng được.
D. có GHĐ nhỏ hơn chiều dài cần đo vì có thể đo nhiều lần.

Câu 5. Nhiệt độ là số đo mức độ của một vật.

- A. nhanh, chậm. B. dài ngắn. C. nặng, nhẹ. D. nóng, lạnh.

Câu 6. Người ta thường sử dụng dụng cụ nào sau đây để đo chiều dài của vật?

- A. Thước đo độ. B. Compa.
C. Thước kẹp, thước cuộn, thước dây. D. Thước kẹp, compa.

Câu 7. Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là

- A. tế bào. B. mô.
C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

Câu 8. Trình tự sắp xếp các cấp tổ chức của cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là

- A. Tế bào -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể -> mô.
B. Mô -> tế bào -> hệ cơ quan -> cơ quan -> cơ thể.
C. Tế bào -> mô -> cơ quan -> hệ cơ quan -> cơ thể.
D. Cơ thể -> hệ cơ quan -> cơ quan -> tế bào -> mô.

Câu 9: Sinh vật có cơ thể đa bào là

- A. con voi B. vi khuẩn. C. nấm men. D. tảo lục.

Câu 10: Sinh vật đơn bào là

- A. cây chuối B. trùng biến hình. C. cây hoa mai. D. con mèo.

Câu 11. Dãy gồm các vật thể tự nhiên là

- A. con mèo, xe máy, con người. B. con sư tử, đồi núi, mỏ cao su.
C. bánh mì, nước ngọt có gas, cây cối. D. cây cam, quả nho, bánh ngọt.

Câu 12. Đâu là vật thể nhân tạo?

- A. Quả me. B. Con kiến. C. Tép bưởi.. D. Cái bàn

Câu 13: Hoạt động nào sau đây là không phù hợp với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.
B. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.
C. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.
D. Ăn uống trong phòng thí nghiệm, nếm thử hóa chất.

(Đề này gồm 24 câu, 2 trang)

Câu 14: Cách sử dụng kính lúp là đặt kính

- A. cách xa mắt, mắt nhìn vào mặt kính.
- B. gần sát vật mẫu, mắt nhìn vào mặt kính. Từ từ dịch kính ra xa vật, cho đến khi nhìn thấy vật rõ nét.
- C. trong khoảng mắt không phải điều tiết, mắt nhìn vào mặt kính.
- D. ở khoảng 20 cm, mắt nhìn vào mặt kính.

Câu 15. Ta dùng kính lúp để quan sát

- A. trận bóng đá trên sân vận động.
- B. một con ruồi.
- C. các chi tiết máy của đồng hồ đeo tay.
- D. kích thước của tế bào virus.

Câu 16. Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Các hiện tượng tự nhiên.
- B. Các tính chất của tự nhiên.
- C. Các quy luật tự nhiên.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 17. Tế bào không cấu tạo nên vật nào sau đây?

- A. Chiếc lá.
- B. Bông hoa.
- C. Con dao.
- D. Con cá.

Câu 18. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô.
- B. Cây cầu.
- C. Cây bạch đàn.
- D. Ngôi nhà.

Câu 19. Các đặc điểm chỉ có ở cơ thể đa bào là có thể

- A. sinh sản.
- B. di chuyển.
- C. cảm ứng.
- D. có nhiều tế bào trong cơ thể.

Câu 20. Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là

- A. hệ cơ quan.
- B. cơ quan.
- C. mô.
- D. tế bào.

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm).

Câu 21. (1,0 điểm). Bạn A dùng đồng hồ bấm giây để đo thời gian bạn B đi từ lớp học ra đến cổng trường. Khi tiến hành đo bạn A thực hiện các thao tác theo trình tự sau:

- Bước 1: Khi đồng hồ chưa về số 0, bạn bấm nút Start (bắt đầu) khi bạn B bắt đầu đi.
- Bước 2: Nhấn nút Stop (dừng) khi bạn B đi đến cổng.

Em hãy chỉ ra thao tác sai và nêu cách khắc phục thao tác sai đó và nêu hoàn chỉnh các thao tác đo cho hoạt động trên.

Câu 22. (1,0 điểm). Em hãy phân tích các lĩnh vực Sinh học, Hóa học, Vật lý học và Khoa học Trái Đất trong KHTN.

Câu 23. (2,0 điểm).

- a. Trình bày cấu tạo và chức năng các thành phần chính của tế bào.
- b. Viết công thức tính tế bào con(N) được tạo ra sau n lần phân chia.

Câu 24. (1,0 điểm). Bằng kiến thức thực tiễn đã học về cây xanh. Hãy mô tả chức năng của cơ quan Rễ và Hoa?

-----Hết-----

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
Môn: Khoa học tự nhiên, lớp 6

I. HƯỚNG DẪN CHUNG KHI CHẤM:

1. Phần trắc nghiệm: Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm.
2. Phần tự luận:
- GV chấm theo đáp án, biểu điểm đã cho.
* Điểm toàn bài là tổng của các điểm thành phần và được làm tròn như sau:
Ví dụ: 5,75 điểm thành 5,8 điểm.
5,25 điểm thành 5,3 điểm.

II. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

Câu	Nội dung đáp án										Điểm	
I. TRẮC NGHIỆM.											5,0 điểm	
Câu 1 đến câu 20 (5,0 đ)	Mã đề 1:										5,0 đ	
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9		10
	Đáp án	D	C	A	D	B	A	B	D	C		D
	Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19		20
	Đáp án	D	B	C	C	A	B	D	D	C		C
	Mã đề 2:											
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9		10
	Đáp án	A	D	A	A	D	C	C	C	A		B
	Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19		20
	Đáp án	B	D	D	B	C	D	C	C	D		D
II. TỰ LUẬN.											5,0 điểm	
Câu 21 (1,0đ)	- Thao tác sai là bước 1.										0,25 đ	
	- Cách khắc phục:											
	+ Bước 1: Nhấn nút Reset để đưa đồng hồ bấm giây về số 0 trước khi tiến hành đo.										0,25 đ	
	+ Bước 2: Nhấn nút Start (bắt đầu) khi bạn B bắt đầu đi từ lớp.										0,25 đ	
Câu 22 (1,0đ)	+ Bước 3: Nhấn nút Stop (dừng) khi bạn B đi đến cổng.										0,25 đ	
	- <i>Vật lí học</i> : nghiên cứu về chuyển động, lực và năng lượng.										0,25 đ	
	- <i>Hóa học</i> : nghiên cứu các chất và sự biến đổi của chúng.										0,25 đ	
	- <i>Sinh học</i> : nghiên cứu về vật sống.										0,25 đ	
Câu 23 (2,0đ)	- <i>Khoa học Trái Đất</i> : nghiên cứu về cấu tạo của Trái Đất và bầu khí quyển bao quanh nó.										0,25 đ	
	a. Tế bào được cấu tạo từ các thành phần chính như sau:											
	- <i>Màng tế bào</i> : là thành phần có ở mọi tế bào, bao bọc tế bào chất. Màng tế bào tham gia vào quá trình trao đổi chất giữa tế bào và môi trường.										0,5 đ	
	- <i>Tế bào chất</i> : nằm giữa màng tế bào và nhân hoặc vùng nhân. Là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi chất của tế bào.										0,5 đ	
Câu 23 (2,0đ)	- <i>Nhân hoặc vùng nhân</i> : chứa vật chất di truyền, là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào.										0,5 đ	

	b. Công thức tính số tế bào con (N) được tạo ra sau n lần phân chia: $N = 2^n$	0,5 đ
Câu 24 (1,0đ)	Chức năng của cơ quan Rễ và Hoa trong cây xanh: - Rễ: Hút nước và chất khoáng cho cây. - Hoa: Tạo quả và hạt	0,5 đ 0,5 đ

Lãnh đạo nhà trường duyệt



Bùi Thị Như Thảo

Tổ chuyên môn duyệt



Vũ Ngọc Thanh Hương

Giáo viên ra đề



Vũ Ngọc Thanh Hương



Dương Thái Long

MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - LỚP 6 - Năm học 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 90 phút.(Không kể thời gian giao đề)

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ **50%** trắc nghiệm, **50%** tự luận).
- **Cấu trúc:** - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: **5,0 điểm:** Gồm 20 câu, mỗi câu 0,25 điểm.(Nhận biết 16 câu, thông hiểu 4 câu)
 - Phần tự luận: **5,0 điểm:** Gồm Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm.

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN.

TT	Nội dung. (Chương, chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ đánh giá								Tổng câu/ điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chương I: Mở đầu về khoa học tự nhiên.	Bài 1 đến 4 (7 tiết: 2,25 đ) (Hóa)	3 ,C8,C9,C10 0,75 đ		2 C11, C12 0,5 đ			1 C22 1,0 đ			6 2,25 đ
		Bài 5 đến 8 (8 tiết: 2,5 đ) (Lý)	4 C1, C2, C4, C5 1,0 đ		2 C3, C6 0,5 đ			1 C21 1,0 đ			7 2,5 đ
2	Chương II: Chất quanh ta.	Bài 9 (1 tiết: 0,25 đ) (Hóa)	1 C7 0,25 đ								1 0,25 đ
3	Chương V. Tế bào	Bài 18 đến 21 (8 tiết: 2,5 đ) (Sinh)	2 C13, C14 0,5 đ			1 C23 2,0 đ					3 2,5 đ
6	Chương VI. Từ tế bào đến cơ thể	Bài 22 đến 24 (8 tiết: 2,5 đ) (Sinh)	6 C15 đến C20 1,5 đ							1 C24 1,0 đ	7 2,5 đ
Tổng câu/ điểm			16 4,0 đ		4 1,0đ	1 2,0 đ		2 2,0 đ		1 1,0 đ	24 10,0 đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN.

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I. MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN							
TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
1	Chương I: Mở đầu về khoa học tự nhiên.	1.Giới thiệu về Khoa học tự nhiên	Nhận biết – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.	4 C7,C8, C9,C10 1,0 đ	2 C11,C12 0,5 đ		
		2.Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	Thông hiểu – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. Vận dụng – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.			1 C22 0,75 đ	
		3.Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. Thông hiểu – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
			hành. – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
2	Các phép đo.	1. Đo chiều dài	Nhận biết - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. Thông hiểu - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. Vận dụng thấp - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).	1(C2) 0,25 đ		1(C3) 0,25 đ	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
		2. Đo khối lượng	<i>Nhận biết</i> - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. <i>Thông hiểu</i> - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. <i>Vận dụng</i> - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).	1(C5) 0,25 đ	1 (C6) 0,25 đ		
		3. Đo thời gian	<i>Nhận biết</i> - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. <i>Thông hiểu</i> - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp	1(C4) 0,25 đ			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
			đơn giản. <i>Vận dụng</i> - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).			1(C21) 1 đ	
		4. Đo nhiệt độ	<i>Nhận biết</i> - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. <i>Thông hiểu</i> - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. <i>Vận dụng</i>	1(C1) 0,25 đ			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
			- Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
3	Chương II: Chất quanh ta	<i>Các thể (trạng thái) của chất</i> – Sự đa dạng của chất	Nhận biết – Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo , vật vô sinh, vật hữu sinh...).	1 C13 0,25đ			
4	Chương V: Tế bào.	1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống: - Khái niệm tế bào. - Hình dạng và kích thước của tế bào. - Cấu tạo và chức năng của tế bào. - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống.	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. Thông hiểu: - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào , tế bào chất và nhân tế bào). - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).	2 C13,14 0,5đ		0,5 C23a 1,5 đ	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/câu
			- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào). Vận dụng: Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.		0,5 C23b 0,5 đ		
5	Chương VI: Từ tế bào đến cơ thể. (7 tiết)	- Từ tế bào đến mô. - Từ mô đến cơ quan. - Từ cơ quan đến hệ cơ quan. - Từ hệ cơ quan đến cơ thể.	Nhận biết: - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa. - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). Vận dụng:	4 C17,18, 19,20 1,0đ			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I.**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

TT	Nội dung kiến thức (Chương/ chủ đề)	Đơn vị kiến thức. (Bài, mục)	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Các câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết/ câu	Thông hiểu/ câu	Vận dụng/ câu	Vận dụng cao/ câu
			- Thực hành: + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người.				1 C24 1,0đ
Tổng				16 4,0 đ	5 3,0 đ	2 2,0 đ	1 1,0 đ